

Số: /KH-UBND

Quảng Tùng, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
**Chuyển đổi số xã Quảng Tùng giai đoạn đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Quảng Trạch về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND xã Quảng Tùng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra trong Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xây dựng, hoàn thiện Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao. Phát triển xã hội số để thay đổi phương thức sống, làm việc của người dân, giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 60%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 80% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; một số ngành,

lĩnh vực kinh tế mũi nhọn đạt trên 25%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 6,5%.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang kết nối phủ trên 60% hộ gia đình.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%, mạng di động 5G đạt 30%
- Trạm y tế xã triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.
- 60% các trường triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Giảm 30% các thủ tục hành chính, tăng 20% dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Về kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế đạt trên 35%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7.5%.
- 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số.

c) Về xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đạt 50% và điện thoại di động thông minh đạt 70% hộ gia đình.
- Trên 90% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.
- 90% người dân trưởng thành có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.
- Trạm y tế xã triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.
- 90% trường học trên địa bàn triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.
- Hoàn thành việc chuyển đổi số cơ bản đối với Đảng ủy, UBMTTQ Việt Nam xã các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Yêu cầu

Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã cần xác định

chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

Tập trung huy động, khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh, của huyện và toàn xã hội, trong đó, nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá. Chú trọng thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề mới phát sinh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Tạo nền móng chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức và kiến tạo thể chế

Triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Trung ương, của tỉnh, huyện về chuyển đổi số, nhất là Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Các ban ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền các văn bản về nội dung chuyển đổi số đến tận người dân.

Tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chủ động xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số theo hướng toàn diện, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế gắn với khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa, con người Quảng Bình. Chú trọng nghiên cứu, ban hành, thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trong khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng.

b) Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

Đảm bảo cơ sở vật chất phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong cơ quan hiện đại, đồng bộ, bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với tốc độ cao giữa các cơ quan nhà nước. Phối hợp phát triển

nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

Thực hiện kết nối và tổ chức khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia về định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, thông tin báo cáo, điều hành an toàn thông tin mạng, cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, đăng ký kinh doanh... Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS).

Phát triển đồng bộ hạ tầng cơ sở dữ liệu, ổn định phục vụ hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Thúc đẩy mạnh mẽ việc số hóa, phát triển, làm giàu dữ liệu số, bảo đảm cung cấp dữ liệu cho công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ trực tuyến.

c) Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, ngăn chặn, rà soát, xử lý bóc gỡ mã độc; chủ động ứng phó các mối đe dọa, tấn công mạng và ứng cứu sự cố, khôi phục hoạt động bình thường của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

d) Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh hợp tác trong việc phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

Trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức để thích ứng với thay đổi của chuyển đổi số.

2. Phát triển chính quyền số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy định, quy chế quản lý, vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính.

b) Tăng cường thử nghiệm, áp dụng các công nghệ và mô hình mới để từng bước đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền xã, tiến đến mô hình toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

c) Ứng dụng thống nhất nền tảng định danh và xác thực của tỉnh (cho cả công chức và công dân) bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tận dụng và kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

d) Tiếp tục tổ chức khai thác, ứng dụng có hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ. Khai thác, tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ số, dữ liệu số để nâng cao năng suất, chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của cán bộ, công chức. Tăng cường ứng dụng hội nghị truyền hình, họp trực tuyến, trao đổi thông tin, báo cáo và làm việc trên môi trường mạng. Chú trọng thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan.

e) Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ không phù hợp khi ứng dụng công nghệ số. Tăng cường xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau. Huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo. Đẩy mạnh tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ, tận dụng các kênh xã hội để tương tác, gia tăng sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

3. Phát triển kinh tế số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số, nền tảng số, dữ liệu số, về kinh tế số ICT, kinh tế số nền tảng và kinh tế số ngành. Tổ chức phổ cập kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số.

b) Triển khai các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên nền tảng kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

c) Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong từng ban ngành, đoàn thể, trong từng lĩnh vực tại xã. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh và đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động.

d) Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh truyền thông và thực hiện các Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

e) Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin - điện tử đã có thương

hiệu chuyên chiến lược sản xuất, kinh doanh sang nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và chủ động trong sản xuất sản phẩm công nghệ số.

4. Phát triển xã hội số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển xã hội số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển xã hội số đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số. Phát huy sự sáng tạo của người dân trong xã hội số, đồng thời, bảo vệ người dân trước các mối nguy cơ, đe dọa trong xã hội số. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số bền vững, bao trùm, không ai bị bỏ lại phía sau.

b) Tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành với các đoàn thể trong việc tuyên truyền cho người dân nâng cao kiến thức, kỹ năng để tiếp cận, sử dụng công nghệ số, nền tảng số và dịch vụ số. Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ đoàn thể tổ chức sinh hoạt phổ biến chuyển đổi số, văn hóa số, xã hội số hằng năm.

c) Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu về con người, văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Kim trên môi trường mạng. Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân.

d) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở, sử dụng tài khoản thanh toán điện tử. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội.

e) Triển khai phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Lựa chọn triển khai ứng dụng các nền tảng, hệ thống số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ. Tăng cường ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào tự động kiểm soát truy cập và chặn lọc các trang web, tài nguyên Internet độc hại hướng tới một không gian số an toàn, lành mạnh cho người dân.

5. Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

a) Bám sát nội dung Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương về chuyển đổi số; các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được định hướng trong Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch này để tổ chức thực hiện chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: Chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và trên các chuyên ngành, lĩnh vực y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, du lịch; nông nghiệp, nông thôn; giao thông, vận tải; tài nguyên và môi trường...

b) Huy động nguồn lực xã hội hóa, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, lồng ghép kinh phí thực hiện các chương trình, dự án của cơ quan Trung

ương, Bộ chuyên ngành để xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số chuyên ngành, lĩnh vực tại địa phương. Tổ chức sử dụng chung, đồng bộ hoặc thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các nền tảng, hệ thống của Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, nhằm khai thác, sử dụng tối ưu, hiệu quả tài nguyên hạ tầng, công nghệ, dữ liệu.

c) Đẩy mạnh thực hiện số hóa, phát triển dữ liệu kết hợp với khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã xây dựng, triển khai. Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức. Quan tâm bố trí, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin của cơ quan.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MƯU, TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025 VÀ THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN

1. Phân công trách nhiệm tham mưu, triển khai các hoạt động chuyển đổi số trọng tâm đến năm 2025: *Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.*

2. Phân công trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện một số chỉ tiêu về chuyển đổi số: *Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ vào điều kiện thực tế, UBND xã ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã

Giúp UBND xã, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo các ban, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm mục tiêu và tiến độ đề ra; tham mưu thực hiện các chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên cấp, liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Công chức Văn hóa - xã hội xã

- Tham mưu cho UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số hàng năm của xã. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện cho UBND huyện, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, UBND xã, BCĐ Chuyển đổi số xã.

- Tham mưu cho UBND xã triển khai các nội dung về đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn với cải cách hành chính. Phối hợp bảo đảm an toàn thông tin mạng, chủ động phòng ngừa, điều phối ứng cứu, xử lý sự cố của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước.

- Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của các các ban, ngành. Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng xây dựng chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan.

- Thường xuyên đăng bài, bản tin tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số trên trang Thông tin điện tử của xã. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

3. Công chức Văn phòng - Thống kê xã

- Chủ trì, phối hợp với công chức Văn hóa - Xã hội tham mưu triển khai, tổ chức đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn kết với cải cách hành chính.

- Phối hợp với công chức Văn hóa - Xã hội tăng cường theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của các các ban, ngành. Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng xây dựng chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan.

4. Công chức Tài chính - Kế toán xã

- Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí giai đoạn, hàng năm cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tham mưu cho UBND xã thực hiện mục chi ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin theo quy định tại Điều 63 Luật Công nghệ thông tin.

5. Các ban, ngành, đoàn thể xã

Căn cứ tình hình cụ thể của các ban, ngành, đoàn thể xây dựng, thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của ban, ngành, đoàn thể và gắn kết với chương trình phát triển chính quyền số, xây dựng đô thị thông minh các cấp.

6. Đề nghị Đảng ủy, HĐND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, 04 đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận, đoàn thể cấp xã; phối hợp quán triệt, vận động đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia tiến trình chuyển đổi số toàn diện của xã.

- Đề nghị Đoàn xã xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Đề nghị Hội nông dân xã tích cực tham gia, phối hợp thực các chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số trong hợp tác xã, hộ kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử; giới thiệu về con người, văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Kim trên môi trường mạng.

7. Đề nghị Công đoàn xã xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đoàn viên, người lao động trong tham gia chuyển đổi số trong cơ quan, đồng thời phát triển công dân số trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Quảng Tùng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề nghị các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức, các cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND xã để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa - Thông tin;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- BCĐ Chuyển đổi số xã;
- Ủy ban MTTQVN, các đoàn thể cấp xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Người HĐKCT xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tướng Thanh Tĩnh

Phụ lục 1

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MU'U, TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND xã về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Quảng Tùng)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tạo nền móng chuyển đổi số			
1.1	Quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số	Lãnh đạo UBND xã	Các ban ngành, đoàn thể; công chức Văn hoá – xã hội	Thường xuyên
1.2	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn xã	Công an xã, Công chức Văn hoá – xã hội	Các ban ngành, đoàn thể	Năm 2022-2025
13	Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS).	Công chức Văn hoá – xã hội, Công chức Địa chính NN-XD&MT	Các ban ngành, đoàn thể	Năm 2022-2025
1.4	Nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại cơ quan.	Công chức Địa chính NN-XD&MT, công chức Tài chính - Kế toán	Công chức Văn phòng - Thống kê, công chức Văn hoá – xã hội	Thường xuyên
1.5	Kiện toàn Ban Chỉ đạo hoặc Tổ triển khai chuyển đổi	Công chức Văn hoá –	Công chức Văn	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
	số; tổ chức phân công cá nhân, bộ phận chuyên trách hoặc đầu mối tham mưu công tác chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho CBCC	xã hội	phòng - Thống kê	
1.6	Triển khai đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số	Các đơn vị trường học		Từ năm 2023
II	Phát triển chính quyền số			
2.1	Tổ chức ứng dụng thống nhất nền tảng định danh và xác thực của tỉnh (cho công chức và công dân)	Công an xã	Các ban ngành, đoàn thể, công chức Văn hoá – xã hội	Năm 2023-2025
2.2	Đẩy mạnh áp dụng nền tảng công nghệ, kỹ thuật và chức năng, tính năng, tiện ích của các HTTT chính quyền số quan trọng: Hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử; Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử; Cổng điều hành, không gian làm việc số; Cổng dữ liệu tỉnh	Công chức Văn phòng – Thống kê; công chức Văn hóa – Thông tin xã	Các ban ngành, đoàn thể	Năm 2023-2025
2.3	Tiếp tục ứng dụng hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; hệ thống số hóa tài liệu và quản lý lưu trữ điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	Các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức xã	Năm 2022-2025.
2.4	Thực hiện ứng dụng Hệ thống quản lý công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; số hóa và chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống cũ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Công chức Văn phòng – Thống kê	Năm 2023-2025
2.5	Tiếp tục thực hiện Đề án số hóa cơ sở dữ liệu hộ tịch	Công chức Tư pháp –	Các công chức có liên	Năm 2022-2025

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
	điện tử; ứng dụng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã, phần mềm tự động hóa công tác xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	Hộ tịch	quan	
2.6	Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng và triển khai ứng dụng hệ thống quản lý, khai thác hồ sơ và chi trả kinh phí ưu đãi người có công với cách mạng	Công chức Văn hóa – Xã hội		Năm 2022-2025
2.7	Triển khai ứng dụng hệ thống dữ liệu quản lý công tác dân tộc	Công chức Văn hóa – Xã hội		Năm 2022-2024
2.8	Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Đề án 468) trên địa bàn huyện	Công chức Văn phòng - Thống kê	Các công chức có liên quan	Năm 2022-2025
2.9	Tổ chức khai thác, ứng dụng có hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ; tăng cường số hóa, phát triển dữ liệu, ứng dụng hội họp trực tuyến, trao đổi thông tin, báo cáo và làm việc trên môi trường mạng	Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã	Công chức Văn hóa – Thông tin; công chức Văn phòng – Thống kê	Thường xuyên
2.10	Rà soát thủ tục hành chính, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ không phù hợp khi ứng dụng công nghệ số; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao	Công chức xã	Công chức Văn phòng – Thống kê	Thường xuyên
III	Phát triển kinh tế số			
3.1	Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về kinh tế số ngành, lĩnh vực; tổ chức phổ cập kiến thức chung về thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số	Các ban ngành, đoàn thể	Công chức Văn hóa – Thông tin	Thường xuyên
3.2	Tham mưu triển khai, thực hiện các quy định của pháp	Công chức Tài chính -	Các ban ngành, đoàn	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
	luật liên quan phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên nền tảng kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo	Kế toán	thể	
3.3	Triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; xây dựng, phát triển các nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh và đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động	Các ban ngành, đoàn thể	Công chức Văn hóa – Xã hội	Năm 2022-2025
3.4	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn xã; thúc đẩy ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trong hoạt động thương mại điện tử	Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Địa chính NN-XD&MT	Các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022
3.5	Triển khai các Chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số trong hợp tác xã và hộ kinh doanh	Công chức Tài chính - Kế toán	Các doanh nghiệp trên địa bàn xã	Thường xuyên
3.6	Hướng dẫn, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn	Công chức Địa chính NN-XD&MT	Các ban ngành, đoàn thể	Thường xuyên
3.7	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam	Công chức Tài chính – Kế toán; công chức Văn hóa – xã hội	Các ban ngành, đoàn thể	Thường xuyên
IV	Phát triển xã hội số			
4.1	Phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”	Các ban ngành, đoàn thể	Công chức Văn hóa – Xã hội	Từ năm 2022
4.2	Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu về con người, văn hóa và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Kim	Công chức Văn hóa – xã hội	Các ban ngành, đoàn thể	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
	trên môi trường mạng			
4.3	Hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở, sử dụng tài khoản thanh toán điện tử; thúc đẩy phát triển dịch vụ Mobile-Money	Các ban ngành, đoàn thể		Thường xuyên
4.4	Tuyên truyền người dân thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt	Các ban ngành, đoàn thể	Công chức Văn hóa – xã hội	Từ năm 2022
V	Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên			
5.1	Chuyển đổi số trong cơ quan thuộc hệ thống chính trị góp phần đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết công việc	Hệ thống chính trị cấp xã	Công chức Văn phòng - Thống kê	Từ năm 2022
5.2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Trạm y tế xã	Công chức Văn hóa – xã hội; các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022
5.3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Các trường học trên địa bàn xã	Công chức Văn hóa – xã hội; các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022
5.4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch	Công chức Văn hóa – Thông tin	Các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022
5.5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Công chức Địa chính NN-XD&MT	Các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022
5.6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông, vận tải	Công an xã	Công chức Địa chính NN-XD&MT	Từ năm 2022
5.7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Công chức Địa chính NN-XD&MT	Các ban ngành, đoàn thể	
5.8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính	Công chức Tài chính – Kế toán	Các ban ngành, đoàn thể	Từ năm 2022

Phụ lục 2
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2022 của UBND xã về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Quảng Tùng)

STT	Chỉ tiêu phản ánh kết quả, mức độ chuyển đổi số	Bộ phận chủ trì theo dõi, đơn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo	Bộ phận phối hợp
I	Phát triển chính quyền số		
1.1	Tỷ lệ (%) thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 Tỷ lệ (%) hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến Tỷ lệ (%) hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến Tỷ lệ (%) người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Công chức Văn phòng – Thống kê	Công chức xã
1.2	Tỷ lệ (%) hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Công chức Văn phòng – Thống kê	Công chức xã
1.3	Tỷ lệ (%) báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Công chức Văn phòng – Thống kê	Các ban ngành; Công chức xã
1.4	Tỷ lệ (%) cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng Tỷ lệ (%) cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ toàn tỉnh	Công chức Văn hóa- xã hội	Cán bộ, công chức xã
II	Phát triển kinh tế số và xã hội số		
2.1	Tỷ lệ (%) doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số	Công chức Tài chính - Kế	Các doanh nghiệp trên

STT	Chỉ tiêu phản ánh kết quả, mức độ chuyển đổi số	Bộ phận chủ trì theo dõi, đơn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo	Bộ phận phối hợp
		toán	địa bàn xã
2.2	Tỷ trọng (%) của kinh tế số trong GRDP của xã	Công chức Tài chính - Kế toán	Công chức Văn phòng - Thống kê
2.3	Tỷ trọng (%) của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Công chức Văn phòng – Thống kê	Các ban ngành, đoàn thể
2.4	Tỷ lệ (%) hộ gia đình có kết nối băng rộng cáp quang Tỷ lệ (%) được phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và 5G	Công chức Văn hóa – Xã hội	
2.5	Tỷ lệ (%) người dân trưởng thành có hồ sơ bệnh án điện tử Tỷ lệ (%) cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa	Trạm y tế xã	Công chức Văn hóa – Xã hội
2.6	Tỷ lệ (%) trường học trên địa bàn triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học	Các đơn vị trường học	Công chức Văn hóa – Xã hội